

Bản án số: 63/2024/DS-ST
Ngày 23 – 8 – 2024
“*V/v tranh chấp hợp đồng
đặt cọc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Trúc Linh
2. Bà Lê Thị Diễm Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2024/TLST-DS ngày 09/7/2024 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-DS, ngày 01/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Văn L**, sinh năm 1972; địa chỉ: **ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Hồ Hoàng Đ**, sinh năm 1981; địa chỉ: **ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông **Phan Văn L** trình bày:

Vào ngày 14/02/2024 (âl) tôi có hợp đồng mua lúa với ông **Hồ Hoàng Đ**, tôi mua với tư cách là cá nhân, để chà gạo bán. Nội dung thỏa thuận tôi sẽ thu mua của ông **Đ** 380 tấn lúa dài thơm với giá là 7.700đồng/kg, trước khi ký hợp đồng mua lúa thì ông **Đ** có dẫn tôi đi coi lúa trước, sau khi xem lúa chúng tôi mới

ký hợp đồng và thỏa thuận đến ngày 16-17/02/2024 thì ông Đ sẽ giao 80 tấn lúa tại địa điểm kinh bà Đ1, đến ngày 19-20/02/2024 thì sẽ giao thêm 300 tấn lúa còn lại tại địa điểm ở kinh H 3 gần nhà ông Đ. Sau khi ký hợp đồng tôi đã đưa tiền cọc cho ông Đ với số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên đến ngày thỏa thuận giao lúa ông Đ chỉ giao cho tôi được 70 tấn lúa nhưng tại điểm khác (ở X), khi nhận 70 tấn lúa tôi đã trừ tiền cọc cho ông Đ với số tiền 20.000.000 đồng. Đến đợt giao lúa lần 02 thì ông Đ không có giao lúa cho tôi, và tôi được bà con cho biết là không có bán lúa cho ông Đ.

Sau đó thì ông Đ có trả cho tôi được 20.000.000 đồng, như vậy ông Đ còn nợ tôi số tiền 60.000.000 đồng. Qua nhiều lần hứa hẹn ông Đ không trả tiền cho tôi nên đến ngày 27/04/2024 ông Đ có viết biên nhận cho tôi và hứa trả nhưng cho đến nay ông Đ vẫn không thực hiện lời hứa. Nay tôi yêu cầu ông Đ trả số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng.

Bị đơn ông Hồ Hoàng Đ vắng mặt trình bày ý kiến tại bản tự khai 02/6/2024:

Tôi Hồ Hoàng Đ có hợp đồng mua bán với anh Phan Văn L với số lượng lúa DT 8 là 380 tấn. Bên anh L có đặt cọc cho tôi số tiền 100.000.000đồng. Tôi đã giao lúa cho anh L số lượng là 76 tấn đầu tiên là đúng với sự thỏa thuận ban đầu và có trừ lại số tiền 20.000.000đồng. Số lúa còn lại bên anh L và anh C nói với tôi là đem cho tôi 02 chiếc ghe 90 tấn và 02 chiếc ghe 80 tấn, nhưng đến ngày cắt lúa bên anh L không có đem ghe xuống nên tôi đã bán số lúa còn lại cho dân. Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất tôi sẽ trả lại cho anh L số tiền đặt cọc. Tôi đã trả thêm cho anh L số tiền 20.000.000đồng. Số tiền còn lại tôi sẽ trả tiếp, nhưng nay vì làm lúa thua lỗ nên tôi chậm trả lại cho anh L, chứ tôi không có hành vi nào khác như anh L đã nói trong đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn ông Phan Văn L khởi kiện bị đơn ông Hồ Hoàng Đ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp “hợp đồng dân sự” mà cụ thể là “hợp đồng đặt cọc” theo Điều 328 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn L và bị đơn bà ông Hồ Hoàng Đ vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Ông Phan Văn L khởi kiện bị đơn ông Hồ Hoàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền đặt cọc là 60.000.000đồng, nguyên đơn không yêu cầu phạt cọc. Nộp kèm theo đơn khởi kiện là Hợp đồng mua bán lúa lập ngày 14/02/2024 (AL), có chữ ký và chữ viết họ tên của ông Hồ Hoàng Đ với nội dung:

“Bên A: Bên bán lúa: Hồ Hoàng Đ, sinh năm 1981, SĐT 0776523360, CCCD số 09308100770, cấp ngày 25/12/2021, tại công an H, cư ngụ tại ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Bên mua lúa: Lê, sinh năm 1972, SĐT 0989009262, CCCD số 086072001301 cấp ngày 14/4/2021, cư ngụ tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi bàn bạc chúng tôi thống nhất ý kiến như sau: Bên A có bán cho bên B số lượng: Giống lúa Đài Thom giá bán 7700, số tiền đặt cọc 100.000.000đồng. Ngày cân 380 tấn ngày 16-17 nhận 80 tấn, 19-20 nhận 300 tấn”.

[4] Biên nhận ngày 27/4/2024: *“Tôi Hồ Hoàng Đ có hứa trả cho anh Lê Vĩnh L1 số tiền 60.000.000đồng, số tiền lúa 60.000.000đồng tôi sẽ gửi lại cho anh. Tôi gửi trước là 20.000.000đồng. Số tiền còn lại tới lúa trả tiếp tục”.*

[5] Tại bản tự khai ngày 02/6/2024, bị đơn Hồ Hoàng Đ thừa nhận có nhận cọc số tiền 100.000.000đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã giao lúa 76 tấn tương ứng với số tiền 20.000.000đồng. Sau đó, bị đơn và nguyên đơn thỏa thuận chấm dứt hợp đồng và trả lại số tiền đặt cọc, bị đơn đã trả thêm số tiền 20.000.000đồng. Bị đơn thống nhất số nợ còn lại là 60.000.000đồng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng do hoàn cảnh khó khăn buôn bán thua lỗ nên chậm thực hiện.

[6] Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Lê b bị đơn ông Hồ Hoàng Đ phải trả lại số tiền đặt cọc 60.000.000đồng, ông Lê k yêu cầu phạt cọc nên không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 bị đơn phải chịu với số tiền là: 60.000.000đồng x 5% = 3.000.000đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 328, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Văn Lê**. Buộc bị đơn ông **Hồ Hoàng Đ** có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông **Phan Văn L** số tiền đặt cọc là 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu phạt cọc nên không xem xét.

[3] Kể từ ngày nguyên đơn ông **Phan Văn L** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông **Hồ Hoàng Đ** chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông **Hồ Hoàng Đ** còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Hồ Hoàng Đ** phải chịu số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Nguyên đơn ông **Phan Văn L** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007909 ngày 09/7/2024 nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[5] *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

[6] Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ ;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Diệu

